TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/DS-ST
Ngày: 15-11-2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Kim Luyến;

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn *tham gia phiên tòa*: Ông Võ Hoàng Thiều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 9 năm 2022 và ngày 14, 15 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc: "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 233/2022/QĐDS-ST ngày 29/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 248/2022/QĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Cụ bà Nguyễn Thị B; sinh năm: 1934; Địa chỉ: Ấp Tr, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H; sinh năm: 1965; Địa chỉ: Ấp C, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm: 1958; Địa chỉ: Ấp M, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị T; sinh năm: 1950; Địa chỉ: Ấp Đ, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Cẩm H1; sinh năm: 1972; Địa chỉ: ấp Tr, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị H2; sinh năm: 1969; Địa chỉ: C, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

- Bà Nguyễn Thị K; sinh năm: 1955; Địa chỉ: Ấp A, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

- Ông Nguyễn Văn Th; sinh năm: 1959; Địa chỉ: Ấp C, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

- Ông Nguyễn Văn Đ1; sinh năm: 1952; Địa chỉ: ấp Ph, xã Th, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

- Anh Nguyễn Trọng Ng, sinh năm 1992; cư trú tại ấp M, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau; tạm trú ấp: K, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Cẩm T1 (chết), Người thừa kế thế vị của bà T1:

+ Cháu Châu Chí Ng1; sinh ngày 03/10/2003; Địa chỉ: ấp Đ, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

+ Cháu Châu Nguyễn Chí Ng2; sinh năm ngày 02/10/2015; Địa chỉ: ấp Đ, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau;

Người đại diện hợp pháp cho cháu Ng: Ông Châu Minh H3; sinh năm: 1974; Địa chỉ: ấp Đ, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ng đơn cụ bà Nguyễn Thị B trình bày yêu cầu:

Cụ bà Nguyễn Thị B và cụ ông Nguyễn Văn L (mất năm 2020) là vợ chồng, hai cụ sinh thời có 09 người con chung, trong đó bà Nguyễn Hồng T1 chết năm 2018 (bà T1 có 02 người con là cháu Châu Chí Ng1 và cháu Châu Nguyễn Chí Ng2); hai cụ có phần đất nuôi trồng thủy sản (NTTS) diện tích 57.520,7m^2 (theo đo đạc thực tế) tọa lạc tại ấp C cũ (nay là ấp Tr), xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau. Năm 2020, cụ L chết không để lại di chúc; nay cụ B yêu cầu công nhận ½ diện tích phần đất trên là tài sản của cụ B, ½ diện tích đất còn lại là của cụ L và yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Phần đất hiện nay cụ B đang quản lý canh tác một phần, con trai thứ năm tên Đ canh tác một phần.

Lý do cho ông Đ canh tác là gì anh em có nói nếu ai chăm sóc cha mẹ thì cho 10 công, nhưng thực tế ông Đ không có nuôi hai cụ, mà do Nguyễn Cẩm H1 chăm sóc cho đến khi cụ ông mất, phần này lấy lại không cho, vì chưa tách quyền sử dụng (QSD) đất cho ông Đ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H: Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, hết thời hạn pháp luật quy định các đương sự không có văn bản trả lời cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Nguyễn Cẩm H1 trình bày:* Cụ Nguyễn Văn L là cha ruột bà H1, chết ngày 12/12/2020, không để lại di chúc. Khi còn sống bà H1 là người trực tiếp chăm sóc, lo thuốc thang, khi chết bà lo chi phí mai táng cho cụ L, anh em không ai đóng góp. Cha mẹ bà có 09 người con, chết 01 người là Nguyễn Cẩm T1 (chết năm 2018); hai cụ có tài sản chung là phần đất NTTS ở ấp Kinh Tắc (nay là Truyền Huấn), xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau diện tích theo đo đạc thực tế 57.520,7 m^2. Hiện tại cụ bà đang sống chung với bà H1, chi phí ăn uống thuốc thang do bà H1 chịu trách nhiệm không có ai đóng góp. Vì cụ L chết không để lại di chúc nên cụ B yêu cầu công nhận ½ diện tích phần đất là tài sản riêng của cụ B và yêu cầu chia thừa kế phần đất của cụ L. Bà H1 đồng ý phần đất NTTS có ½ diện tích là của cụ B; phần diện tích đất còn lại yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật và xem xét tính đến công chăm sóc và chi phí lo hậu sự của cụ L cho bà H1.

- *Bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn Đ1 đồng trình bày*: Cha là cụ ông Nguyễn Văn L, mẹ cụ bà Nguyễn Thị B, hai cụ có tài sản chung là QSD đất NTTS, do cha chết không để lại di chúc, mẹ yêu cầu chia thừa kế phần của cha, nếu được hưởng thì ông bà xin giao lại cho mẹ là cụ bà Nguyễn Thị B.

- *Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị K trình bày:* Cha mẹ có phần đất NTTS diện tích 57.858m^2, cha chết không để lại di chúc, mẹ yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha, nếu Tòa xử được một phần thì xin nhận, bằng QSD đất hay giá trị bằng tiền cũng được.

- *Người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Cẩm T1 là cháu Châu Chí Ng1 và người đại diện hợp pháp của cháu Châu Nguyễn Chí Ng2 trình bày:* Nếu chia di sản thừa kế, các cháu được hưởng kỷ phần của mẹ (T1) thì xin giao lại cho bà ngoại là cụ bà Nguyễn Thị B để dưỡng già.

- Anh Nguyễn Trọng Ng, Tòa án tống đạt thông báo đưa thêm người tham gia tố tụng hết thời hạn anh Nguyên không có văn bản trả lời cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Cụ B trình bày: Vợ chồng cụ có 09 người con, khi lập gia đình hai cụ đều có cho tài sản, phần đất theo đo đạc hiện tại là của vợ chồng cụ, diện tích 57.520,7m^2. Cụ L chết không để lại di chúc, yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất do cụ ông Nguyễn Văn L đứng tên có ½ là của cụ B, phần diện tích đất của cụ L chia thừa kế theo pháp luật; phần đất hiện nay cụ B quản lý một phần, bà H1 khai thác giùm cụ; ông Đ quản lý một phần, là do bà cho mượn canh tác để cải thiện cuộc sống, bờ bao ví là có sẵn ông Đ không có đầu tư.

Bà H1 trình bày: Tại phiên tòa ngày 29/9/2022 hai anh của bà là ông H, ông Đ đề nghị tạm ngừng phiên tòa về tách QSD đất 03 héc ta để mẹ đứng tên, thực tế ông H và ông Đ không hợp tác nên không tách thửa được. Đồng ý phần đất có tranh chấp là tài sản chung của cha mẹ; thống nhất với yêu cầu của mẹ yêu

cầu công nhận ½ diện tích đất là của mẹ và chia thừa kế theo pháp luật. Bà không gửi đơn yêu cầu độc lập vì thấy đây là tài sản của cha mẹ, nhưng do mấy anh chị không tôn trọng mẹ nên bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và có tính công sức của bà chăm sóc cha khi bệnh, lo chi phí mai táng khi mất, phần được hưởng xin nhận đất, vì nếu nhận tiền mẹ của bà không có tiền giao.

Tại phiên tòa ngày 29/9/2022, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thỏa thuận gia đình về tách QSD đất cho mẹ là cụ bà Nguyễn Thị B 03 héc ta còn lại vẫn để tên cha là cụ L; tại phiên tòa hôm nay ông Đ, ông H vắng mặt nên không có ý kiến khác.

Các đương sự còn lại vắng mặt nên không có ý kiến khác.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Công nhận diện tích đất 57.520,7m^2 là của cụ B và cụ L; cụ B có một phần ½ diện tích là 28.760,35m^2, diện tích 28.760,35m^2 còn lại là của cụ L chia thừa kế theo pháp luật; hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ B và 09 người con (chết 01 người), chia 10 phần; về chi phí tố tụng chia theo tỷ lệ 70 – 30, cụ B chịu 70% còn 30% chia đều cho những người nhận di sản; án phí xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với phần bà H2, ông Đ1 và con bà T1 là 03 kỷ phần giao cho cụ B theo nguyện vọng của các đương sự này; bà H1, ông Th, bà K, bà T, ông Đ và ông H giao trả bằng tiền theo giá trị đã định giá cho mỗi kỷ phần; ông Đ có thêm công trình trên đất nên được hưởng thêm phần này.

Buộc ông Đ và anh Nguyên giao trả phần đất và tài sản có trên đất cho cụ B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Cụ ông Nguyễn Văn L và cụ bà Nguyễn Thị B có 09 người con chung, cụ L chết ngày 12/12/2020, bà Nguyễn Cẩm T1 là con của người để lại di sản chết trước người để lại di sản (chết ngày 29/4/2018), Tòa án đưa con của bà T1 tham gia tố tụng là phù hợp với Điều 652 Bộ luật dân sự "Thừa kế thế vị".

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Đ1, cháu Châu Chí Ng1 và người đại diện hợp pháp cho cháu Châu Nguyễn Chí Ng2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H và người có liên quan anh Nguyễn Trọng Ng được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Cụ ông Nguyễn Văn L chết không để lại di chúc, cụ bà Nguyễn Thị B yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ ông để lại theo quy định của pháp luật nên Quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] *Xác định hàng thừa kế của cụ L:*

Năm 2020 cụ L chết, thừa kế mở. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm: vợ là cụ bà Nguyễn Thị B; con đẻ là bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Đ1, bà Nguyễn Cẩm H1, bà Nguyễn Cẩm T1.

Trong 09 người con, bà Nguyễn Cẩm T1 chết trước người để lại di sản, cháu Châu Chí Ng1 và cháu Châu Nguyễn Chí Ng2 là con bà T1 nên thuộc hàng thừa kế thế vị.

[2.2] *Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn L:*

Sinh thời cụ Nguyễn Thị B và cụ Nguyễn Văn L có tạo lập phần đất NTTS diện tích 70.836 m^2, năm 2017 đã chuyển nhượng cho ông H4 12.918m^2 và đã tách thửa, diện tích còn lại 57.918m^2, theo đo đạc thực tế thì phần đất có diện tích 57.520,7m^2. Đây là tài sản chung của cụ L và cụ B tạo lập trong thời kỳ hôn nhân theo Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình thì mỗi bên được ½ diện tích là 28.760,35m^2; nên di sản thừa kế là QSD đất diện tích 28.760,35m^2.

Tổng diện tích đất có tranh chấp, ông Nguyễn Văn Đ đang quản lý 13.175,1m^2. Theo trình bày của cụ B và bà H1 thì trước đây cụ B có ý định sống chung với ông Đ nên giao cho ông Đ quản lý phần đất này để chi phí trả tiền điện sinh hoạt, nhưng sau đó cụ B không sống chung nhưng vẫn để cho ông Đ canh tác, hình thức là cho mượn cải thiện cuộc sống gia đình, không tặng cho luôn (hiện nay anh Nguyễn Trọng Ng con ông Đ trực tiếp sổ vuông giùm ông Đ). Quá trình giải quyết vụ án, phía ông Đ đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc cụ B khởi kiện nhưng ông Đ không có ý kiến phản đối. Tại phiên tòa ngày 29/9/2022 ông Đ có mặt và ông xác nhận diện tích 57.520,7m^2 đất NTTS do cụ Nguyễn Văn L đứng tên là của cụ B, cụ L tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và ông cũng đồng ý tách thửa cho cụ B diện tích 03 héc ta, phần còn lại để nguyên tên cụ L và các con cụ L đồng sở hữu. Như vậy, chứng tỏ phần đất ông Đ quản lý là của vợ chồng cụ B tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, nên thuộc tài sản chung của vợ chồng cụ B.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia di sản thừa kế. Thấy rằng, như đã phân tích trên cụ B có ½ diện tích đất NTTS do cụ L đứng tên; còn ½ diện tích đất còn lại của cụ L là di sản thừa kế, do cụ L không để lại di chúc nên phần di sản của cụ được chia thừa kế theo pháp luật.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L 10 người, vợ và 09 người con đẻ, sinh thời cụ L còn sống thì bà H1 là người trực tiếp chăm sóc, đến khi cụ mất thì bà H1 là người lo chi phí mai táng, nên ngoài phần bà H1 được hưởng thì chia cho bà H1 thêm 01 kỷ phần để bù đắp công sức chăm sóc và chi phí mai táng. Như vậy, di sản là QSD đất diện tích 28.760,35m^2 chia 11 phần = 2.614,5m^2/phần.

Bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn Đ1 và hàng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Cẩm T1, có ý kiến nếu được chia một phần thì phần được chia giao cho cụ bà Nguyễn Thị B. Xét thấy, các đương sự giao phần mình được hưởng cho cụ B là tự nguyện và không nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với người khác nên được chấp nhận.

Như vậy, cụ B được chia ½ diện tích đất và nhận thừa kế (04 kỷ phần) với tổng diện tích 39.218,35m^2; trong phần đất chung có 300m^2 đất thổ cư, nên ưu tiên giao cho cụ B, vì các ông bà là con của cụ B và cụ L, khi lập gia đình đều được các cụ cho đất và hiện có nhà đất ở ổn định.

[2.4] Bà Nguyễn Cẩm H1 được nhận 02 kỷ phần diện tích 5.229m^2, bà H1 yêu cầu được nhận đất, nhưng bà H1 không gửi đơn yêu cầu độc lập để chia thừa kế, hiện nay cụ B quản lý phần đất nên phần của bà H1 được giao cho cụ B tiếp tục quản lý. Trường hợp bà H1 có yêu cầu chia thì có quyền thỏa thuận với cụ B, nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.5] Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn Th, các đương sự này không có yêu cầu độc lập, đề nghị xử theo pháp luật, nếu được chia thì xin nhận, còn việc giao tiền hay giao đất do Tòa án quyết định; bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H, mặc dù các đương sự không có đơn yêu cầu chia, cũng như không có văn bản từ chối nhận di sản. Theo quy định tại khoản 2 Điều 561 của BLDS thì: Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án các ông bà này không có đơn phản tố, không khởi kiện độc lập để chia di sản thừa kế, nên phần của các ông bà này giao cho ông Đ quản lý, hiện ông Đ đang quản lý phần diện tích đất trên nên giao tiếp tục quản lý, nếu các ông bà này có yêu cầu chia thì có quyền thỏa thuận với ông Đ, trường hợp không thỏa thuận được có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Phần đất ông Đ quản lý 13.175,1m^2 ; phần bà T, ông Đ, ông H, ông Th, bà K được hưởng là 2.614,5m^2 x 5 phần = 13.072,5m^2, còn dư 102,6m^2 phần này là của cụ B nên khi cụ B tách thửa giao trả diện tích 102,6 m^2 cho cụ B.

Cụ B có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của luật đất đai.

[3] Đối với tài sản có trên đất:

[1.3] Tài sản trên đất ông Đ đang quản lý:

- Cống xổ vuông, trị giá 6.330.000 đồng, cụ B và bà H1 xác định là của vợ chồng cụ B, nhưng cụ B không yêu cầu chia mà chỉ yêu cầu Tòa án xác định cho cụ ½ diện tích đất và chia thừa kế QSD đất của cụ L. Mặc khác, Tòa án tạm giao cho ông Đ quản lý phần đất, do đó giao cho ông Đ quản lý cống xổ vuông, nếu các đương sự có yêu cầu thì có quyền thương lượng với ông Đ, trường hợp không thương lượng thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

- Nhà ở và chuồng gà do ông Đ xây dựng, phần đất tạm giao cho ông Đ tiếp tục quản lý nên phần công trình trên đất không buộc các đương sự khác giao trả giá trị.

[2.3] Tài sản trên đất của cụ B quản lý:

Bà H1 trình bày là tài sản trên đất do bà đầu tư sau khi bà quản lý và xổ vuông giùm cụ B, tại phiên tòa bà H1 xác định nếu giao phần đất cho cụ B có tài sản gắn liền với đất do bà đầu tư thì bà không yêu cầu cụ B hoàn trả giá trị, do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Trường hợp xảy ra tranh chấp về công trình trên đất đôi bên không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc là 12.785.000 đồng; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 200.000 đồng; chi phí thẩm định giá 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 32.985.000 đồng.

Mặc dù yêu cầu của cụ B được chấp nhận, nhưng chi phí này cụ vẫn phải tự chịu, vì bị đơn và người liên quan chưa nhận thừa kế nên không phải chịu chi phí này, cụ B đã nộp đủ không phải nộp tiếp.

[5] Về án phí: Đối với phần tài sản được chia và di sản được nhận, cụ B không phải chịu án phí có giá ngạch, vì cụ là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp nên được miễn nộp toàn bộ.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, do chưa nhận thừa kế nên không phải chịu án phí.

Ý kiến của Kiểm sát viên chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, tuy nhiên phần buộc cụ B giao tiền là chưa phù hợp nên cần điều chỉnh như nhận định trên.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 561, Điều 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu công nhận ½ diện tích đất NTTS do cụ ông Nguyễn Văn L đứng tên là của cụ B và yêu cầu chia thừa kế QSD đất của cụ L để lại theo pháp luật; phần đất tọa lạc tại ấp Tr (C cũ), xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau thuộc thửa số 19 tờ bản đồ số 02 do cụ ông Nguyễn Văn L đứng tên QSD đất, Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 23/4/2009.

Phần cụ B được chia và được nhận thừa kế có diện tích là 39.218,35m^2 (hiện ông Đ đang quản lý của cụ B 102,6m^2).

Bà Nguyễn Cẩm H1 được hưởng 02 phần là 5.229m^2, phần này nằm chung với thửa đất cụ B quản lý thửa đất có diện tích 44.345.6 m^2, giao cho cụ B tiếp tục quản lý phần của bà H1.

(vị trí phần đất cụ B tính từ vách M17 chạy dài đến M5 qua giáp vách ông Dương Quốc Th, kèm theo bảng vẽ).

Cụ B có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của luật đất đai.

- Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị K, mỗi người được 2.614,5m^2. Tổng diện tích là 13.072,5 m^2. Phần đất hiện nay ông Nguyễn Văn Đ đang quản lý, giao cho ông Đ tiếp tục quản lý. Vị trí phần đất: Mặt tiền M1 – M17 chiều rộng 38.36m, hậu M4 – M5 dài 40,82m dài M1 đến M4 và M17 đến M5 có diện tích 13.175,1m^2 (có 102,6m^2 của cụ B). Trường hợp, các ông bà này có yêu cầu chia thì có quyền thỏa thuận với ông Đ, trường hợp không thỏa thuận được có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

- Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí 32.985.000 đồng, cụ B chịu toàn bộ; cụ B đã nộp đủ không phải nộp tiếp.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm cụ bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp nên được miễn toàn bộ án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính